**Use Case “Place Order”**

**1. Use case code:**

* UC001

**2. Brief Description**

* Usecase này mô tả sự tương tác giữa khách hàng và phần mềm AIMS khi khách hàng thao tác đặt hàng trên phần mềm

**3. Actors**

**3.1. Name of Actor 1**

* Khách hàng

**4. Preconditions**

* Tồn tại ít nhất 1 sản phẩm trong giỏ hàng

**5. Basic Flow of Events**

1. Khách hàng yêu cầu đặt hàng trong giỏ hàng

2. Phần mềm AIMS kiểm tra tính khả dụng của các sản phẩm trong giỏ hàng

3. Phần mềm AIMS hiển thị biểu mẫu thông tin giao hàng kèm theo thông tin đơn hàng

4. Khách hàng nhập và gửi thông tin giao hàng

5. Phần mềm AIMS tính toán và cập nhật thông tin đơn hàng kèm theo phí vận chuyển

6. Khách hàng yêu cầu thanh toán đơn hàng

7. Phần mềm AIMS gọi trường hợp sử dụng "Thanh toán đơn hàng" (“Pay order”)

8. Phần mềm AIMS tạo và lưu một đơn hàng mới

9. Phần mềm AIMS làm trống giỏ hàng

10. Phần mềm AIMS gửi email về thông báo và thông tin đơn hàng

11. Phần mềm AIMS hiển thị thông báo đặt hàng thành công, thông tin đơn hàng và thông tin giao dịch

**6. Alternative flows**

Table 1: Alternative flows of events for UC Place order

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **No** | **Location** | **Condition** | **Action** | **Resume location** |
| 1. | Bước 3 | Nếu sản phẩm khách hàng yêu cầu không sẵn có | Phần mềm AIMS hiển thị thông báo “The products in the cart are not avaiable”, hiển thị số lượng hàng tồn kho và quay lại usecase “Xem giỏ hàng” để khách hàng cập nhật lại giỏ hàng | Usecase kết thúc |
| 2. | Bước 5 | Nếu thông tin vận chuyển không hợp lệ | Phần mềm AIMS thông báo thông tin vận chuyển không hợp lệ (do để trống hoặc sai format) | Bước 3 |
| 3. | Bước 5 | Nếu người dùng chọn đặt đơn hàng nhanh | Phần mềm AIMS thêm usecase “Đặt hàng nhanh” | Bước 6 |
| 4. | Bước 8 | Nếu đơn hàng thanh toán không thành công hoặc quay trở về từ bước thanh toán | Phầm mềm AIMS thông báo “Thanh toán thất bại” | Bước 7 |

**7. Input data**

Table 2: Input data of order form

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| No | Data fields | Description | Mandatory | Valid condition | Example |
| 1. | Tên người nhận | Tên đầy đủ của người nhận | Có | Không để trống | Vũ Đức Mạnh |
| 2. | Số điẹn thoại | Số điện thoại người nhận | Có | Chuỗi gồm 10-11 chữ số | 0368395527 |
| 3. | Email | Địa chỉ email người nhận | Có | Đúng định dạng email | [Vuducmanh@gmail.com](mailto:Vuducmanh@gmail.com) |
| 4. | Địa chỉ | Địa chỉ nhận hàng | Có | Không để trống | Số 8, Ngõ 40 Tạ Quang Bửu |

**8. Output data**

Table 3: Output data of order form

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| No | Data fields | Description | Display format | Example |
| 1. | Tên người nhận | Tên của người sẽ nhận đơn hàng | Chuỗi ký tự | Vũ Đức Mạnh |
| 2. | Số điện thoại người nhận | Số điện thoại để liên hệ | Chuỗi số | 0368395527 |
| 3. | Email người nhận | Email để xác nhận đơn hàng | Địa chỉ email | Vuducmanh@gmail.com |
| 4. | Địa chỉ giao hàng | Địa chỉ nơi nhận hàng | Chuỗi kí tự | Số 8, Ngõ 40 Tạ Quang Bửu |
| 5. | Danh sách sản phẩm | Tên các sản phẩm trong đơn hàng | Chuỗi kí tự | CD Pewpew, CD Meomeo |
| 6. | Số lượng sản phẩm | Số lượng của mỗi sản phẩm | Số nguyên | 2 |
| 7. | Tổng giá trị sản phẩm | Tổng giá trị các sản phẩm (chưa bao gồm VAT) | Số tiền, đơn vị VNĐ | 500,000 VNĐ |
| 8. | Phí vận chuyển | Phí giao hàng (tạm tính) | Số tiền, đơn vị VNĐ | 30,000 VNĐ |
| 9. | Phương thức giao hàng | Loại hình giao hàng (thường hoặc giao nhanh) | Chuỗi ký tự | Giao hàng nhanh |
| 10. | Tổng tiền tạm tính | Tổng số tiền đơn hàng trước khi thanh toán | Số tiền, đơn vị VNĐ | 530,000 VNĐ |

**9. Postconditions**

* Một đơn hàng mới được khởi tạo và thông tin của đơn hàng đó được gửi đến email của khách hàng
* Đơn hàng xuất hiện trên màn hình người quản lý sản phẩm chờ xác nhận
* Giỏ hàng được làm trống
* Hoặc không có gì xảy ra khi đơn hàng thanh toán không thành công